

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HSST  
Ngày: 14/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.*

*- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Tô Thị Lành.*

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành D-* Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Ngọc Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

**1. Cao N**, tên gọi khác: L; sinh ngày 10/9/1996 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: 48/91 đường T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không;

Con ông Cao V, sinh năm 1971 và bà Nguyễn T, sinh năm 1973; Cha mẹ bị cáo hiện đang cư trú tại tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Bị cáo có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 05/2014/HS-ST ngày 05/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 16/02/2018, chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 26/3/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam T20- Công an tỉnh Gia Lai.

**2. Phan T**, tên gọi khác: H, sinh ngày 04/4/1993 tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng M, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không;

Cha: Phan H (đã chết); Mẹ: Nguyễn Th, sinh năm 1957, hiện trú tại làng M, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 04 chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình, bản thân chưa có vợ, con.

Tiền sự: không;

Tiền án: 03;

- Tại bản án số 03/2014/HS-ST ngày 05/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại bản án số 20/2014/HS-ST ngày 24/6/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về các tội: “*Cướp giật tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại bản án số 17/2014/HS-ST ngày 08/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngày 05/9/2014, Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 02/2014/QĐ-CA, tổng hợp hình phạt của các Bản án nêu trên, buộc chấp hành hình phạt chung là 09 năm 10 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 04/10/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 26/3/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam T20- Công an tỉnh Gia Lai.

\* Bị hại:

- Ông Huỳnh D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 03 đường N, tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ L; sinh năm 1970; Địa chỉ: 03 đường N, tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Lê Thị H; sinh năm 1993; Địa chỉ: Hẻm 18/19 đường C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn vắng mặt.

- Anh Bùi L; sinh năm 1989; Địa chỉ: 214 đường L, thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có đơn vắng mặt.

- Anh Nguyễn A; sinh năm 1990; Địa chỉ: 210 đường T, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Q; sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn vắng mặt.

- Chị Nguyễn N; sinh năm 1980; Địa chỉ: 63/61 đường T, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Cao V; sinh năm 1971; Địa chỉ: 48/91 đường T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Nguyễn T; sinh năm: 1973 Địa chỉ: 48/91 T, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

\* Người làm chứng:

- Anh Dương M; sinh năm 1994; Địa chỉ: Hẻm 56 đường D, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn T; sinh năm 1964; Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh Gia

Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tr; sinh năm 1972; Địa chỉ: 63/61 đường T, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao N là người đã bị kết án về tội: “*Cướp tài sản*”, nhưng đã được xóa án tích; Phan T là người đã bị kết án về các tội: “*Cướp giật tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” và chưa được xóa án tích; N và T có quan hệ quen biết nhau và cùng thuê phòng trọ ở số 63/61 đường T, phường K, thành phố P. Khoảng 03 giờ ngày 14/3/2021, khi đang uống rượu với nhau tại phòng trọ, N nảy sinh ý định tìm nơi vắng vẻ, chặn người đi đường xin tiền để tiêu xài và rủ T tham gia, thì T đồng ý. N lấy 02 cây kiếm tự chế: 01 kiếm dài 71cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn, chỗ rộng nhất 05cm, cán quấn dây vải và 01 kiếm dài 53cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn, chỗ rộng nhất 03cm, cán tròn, cho vào cốp xe mô tô hiệu Honda, loại xe Airblade, biển số 81B1-986.92, rồi điều khiển xe này chở T đến đường T, hướng vào Ủy ban nhân dân xã D, TP.P. Khi đến đoạn lộ cao su thuộc Thôn 02, xã D, TP.P, N dừng xe mở cốp lấy 02 cây kiếm kẹp vào hông xe bên phải, rồi giao xe cho T điều khiển chở N quay lại đi về hướng đường N, TP.P. Cùng lúc này, trên đường T có ông Huỳnh D (sinh năm 1963, trú số 03A đường N, tổ 06, phường Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ-đen, biển số 81B1-154.81 lưu thông về hướng Ủy ban nhân dân xã D. Lúc này khoảng 03 giờ 40 phút ngày, đường T tối, vắng người và phương tiện lưu thông; khi phát hiện thấy ánh đèn xe mô tô ngược chiều của ông D, N bảo T điều khiển xe mô tô 81B1-986.92 đi sang bên trái, ép và chặn xe mô tô 81B1-154.81 của ông D lại. Khi 02 xe mô tô vừa dừng lại, N cầm 02 cây kiếm nhảy xuống đường chỉ vào ông D nói: “*Đứng im*”, và chém 01 nhát trúng vào tay phải của ông D, làm ông D cùng với xe mô tô 81B1-154.81 ngã xuống đường. Khi ông D lom khom bò dậy, thì bị N dùng sống kiếm chém trúng vào chân; ông D đứng dậy bỏ chạy và hô: “*Cướp, cướp*”. T giật 01 cây kiếm trên tay N đuổi theo chém ngang 02 nhát trúng vào lưng ông D, nhưng ông D vẫn tiếp tục bỏ chạy. Lúc này, thấy có ánh đèn xe ô tô lưu thông trên đường T hướng vào xã D, nên N nói với T: “*Thôi đi về*”, thì T không đuổi theo ông D nữa mà quay lại lấy xe mô tô 81B1-154.81 của ông D, rồi điều khiển xe này ra đường N, đi về hướng xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai; N điều khiển xe mô tô 81B1-986.92 đi theo. Khi chạy đến rẫy cà phê của ông Nguyễn T (sinh năm 1964, trú làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai), T giấu xe mô tô 81B1-154.81 vừa chiếm đoạt được của ông D vào rẫy cà phê, rồi N điều khiển xe mô tô 81B1-986.92 chở T quay về TP.P. Đối với ông D, sau khi bị chém, bị chiếm đoạt xe mô tô 81B1-154.81, đã đến Công an TP.P trình báo và giao nộp 01 áo khoác (loại áo phao), lưng áo có 02 vết rách, ống tay phải có 01 vết rách.

Đến 19 giờ ngày 14/3/2021, Cao N điều khiển xe mô tô 81B1-986.92 chở Phan T đến rẫy cà phê của ông Nguyễn T ở xã I, huyện G, để T lấy xe mô tô 81B1-154.81 chạy về nhà N (ở tổ 05, phường Y, TP.P) cất giấu; 02 cây kiếm tự chế, sau đó N mang đến phòng trọ của chị Lê H (sinh năm 1993, ở hẻm số 18/19 đường K,

phường Y, TP.P- là người quen của N) cất giấu. Ngày 18/3/2021, N nhờ anh Nguyễn A (sinh năm 1990, trú Thôn 03, xã B, TP. P- là người quen của N) bán giúp xe mô tô 81B1-154.81 với giá 8.000.000 đồng; N nói với A nguồn gốc xe là do N nhận cầm cố của người khác, nhưng người này không chuộc lại. A gọi điện thoại cho ông Trần Q (sinh năm 1989, trú Tổ 05, phường H, TP.P - là người quen của A) giới thiệu xe mô tô 81B1-154.81 và hỏi ông Q có mua không. Ông Q hẹn gặp A vào chiều ngày 19/3/2021 tại quán cà phê trước cổng vào khu Lâm viên B để xem xe. Khoảng 14 giờ ngày 19/3/2021, N và T đưa xe mô tô 81B1-154.81 đến quán cà phê cho A, để A cho ông Q xem và chạy thử xe, rồi N và T đi về. Sau đó, N nhờ chị Lê H đến quán cà phê gặp ông Q để lấy tiền bán xe mô tô 81B1-154.81. Khi chị H vừa đến quán cà phê gặp A và Q, thì cả ba bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P phát hiện, đưa về trụ sở để làm việc; đồng thời Cơ quan điều tra cũng thu giữ xe mô tô 81B1-154.81 do A giao nộp. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P, anh A, ông Q và chị H đã khai báo về việc nhận lời bán giúp xe mô tô 81B1-154.81, mua xe mô tô và đi lấy tiền giúp cho N như nêu trên.

Đến 23 giờ 15 phút ngày 19/3/2021, Phan T ra đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh-đen và 4.800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; ngày 20/3/2021, Cao N bị bắt, bị thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P, T và N đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng kiếm tạt chém ông Huỳnh D để chiếm đoạt xe mô tô 81B1-154.81 vào rạng sáng ngày 14/3/2021 tại đường T, xã D, TP.P. Sau khi N bị bắt, anh Bùi L (sinh năm 1989, trú xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai - là người quen của N) giao nộp cho Cơ quan điều tra xe mô tô hiệu Honda, loại xe Airblade, biển số 81B1-986.92; chị Lê H giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 cây kiếm mà trước đó N đã mang đến phòng trọ của chị H cất giấu.

Qua định giá, xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 81B1-154.81 của ông Huỳnh D bị Cao N và Phan T chiếm đoạt vào ngày 14/3/2021, có trị giá 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); áo khoác của ông D bị chém rách, hư hỏng hoàn toàn, trị giá 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Sau khi yêu cầu định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe mô tô và áo khoác nêu trên cho ông D.

Đối với các đồ vật, tài sản do Cao N, Phan T, Bùi L và Lê H giao nộp, qua điều tra xác định:

- Xe mô tô 81B1-986.92 mà Cao N và Phan T sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của ông Huỳnh D, là tài sản của bà Nguyễn N (sinh năm 1980, trú Tổ 6, phường K, TP.P, tỉnh Gia Lai - là người quen của N). Bà N cho N mượn xe mô tô 81B1-986.92 để sử dụng, việc N dùng xe làm phương tiện cùng đồng phạm đi chiếm đoạt tài sản của người khác thì bà N không biết. Sau khi sử dụng xe mô tô 81B1-986.92 làm phương tiện phạm tội, N gửi xe này tại phòng trọ của Bùi L (ở hẻm số 18/19 đường K, phường Y, TP.P), nên L giao nộp xe cho Cơ quan điều tra. Hiện Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe mô tô 81B1-986.92 cho bà N và bà N không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Việc N cất giấu 02 cây kiếm là công cụ phạm tội tại phòng trọ của chị H, thì N không nói cho chị H biết. Ngày 19/3/2021, khi chị H dọn phòng thì mới phát

hiện 02 cây kiếm nêu trên và mang giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra chuyển 02 cây kiếm trên theo vụ án để xử lý.

- Điện thoại di động hiệu Iphone XS Max là tài sản cá nhân của N, điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh-đen và số tiền 4.800.000 đồng là tài sản cá nhân của T. Cơ quan điều tra chuyển các tài sản trên theo vụ án để xử lý.

Đối với hành vi dùng kiếm chém vào tay, lưng ông Huỳnh D do Cao N và Phan T thực hiện, do chỉ bị thương tích nhẹ nên quá trình điều tra vụ án ông D đã làm đơn từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, không yêu cầu xử lý về hình sự đối với N và T về hành vi này. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý về hình sự đối với N và T về hành vi cố ý gây thương tích.

Đối với hành vi dùng kiếm chém làm rách, hư hỏng hoàn toàn áo khoác của ông Huỳnh D, gây thiệt hại 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) do Cao N và Phan T thực hiện, qua điều tra xác định: Hành vi của N và T không phạm vào các quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự, nên không cấu thành tội: “*Hủy hoại tài sản*”. Công an TP.P đã xử phạt hành chính đối với N và T về hành vi trên bằng hình thức phạt tiền.

*Về dân sự:* Sau khi được nhận lại xe mô tô 81B1-154.81 và áo khoác đã bị rách, ông Huỳnh D không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Quá trình điều tra vụ án, ông D đã làm đơn đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với Cao N và Phan T.

Cao N và Phan T phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; sau khi phạm tội, T đã ra đầu thú. Quá trình điều tra, truy tố vụ án, N và T đều thành khẩn khai nhận về hành vi của bản thân, đồng phạm và các tình tiết có liên quan, được bị hại đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Đối với anh Nguyễn Đức A, là người nhận lời bán giúp xe mô tô 81B1-154.81 cho bị cáo Cao N và ông Trần Q, là người được A giới thiệu để mua xe mô tô 81B1-154.81, qua điều tra xác định: Khi nhận lời bán giúp xe mô tô 81B1-154.81 cho bị cáo N và khi xem, chạy thử xe mô tô 81B1-154.81 để mua, thì anh A và ông Q đều không biết xe mô tô 81B1-154.81 là tài sản do bị cáo N và đồng phạm cướp được của người khác. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý đối với anh A và ông Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với chị Lê H, là người được bị cáo Cao N nhờ đến quán cà phê trước khu Lâm viên B để lấy tiền vào chiều ngày 19/3/2021, qua điều tra xác định: Chị H không biết gì về việc N và Phan T đã cướp xe mô tô 81B1-154.81 trước đó; khi được N nhờ đi lấy tiền giúp, chị H không biết đó là tiền do N bán tài sản phạm tội mà có; khi chị H chưa nhận được tiền giúp N, thì đã bị Cơ quan điều tra đưa về trụ sở làm việc. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét xử lý đối với chị H về vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo N trong vụ án này, là có căn cứ.

Đối với ông Cao V, là cha của bị cáo Cao N, qua điều tra xác định: Khi N và Phan T đưa xe mô tô 81B1-154.81 cướp được của ông Huỳnh D về nhà N cất

giấu vào ngày 14/3/2021, thì ông V có nhìn thấy và hỏi N về nguồn gốc xe, nhưng N nói là xe do người khác cầm cố; ông V không biết xe mô tô 81B1-154.81 là tài sản do N và T cướp của người khác. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý đối với ông V về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Tại Bản cáo trạng số: 122/CT- VKS ngày 12/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Cao N về tội: “**Cướp tài sản**” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015 và bị cáo Phan T về tội: “**Cướp tài sản**” theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Cao N, Phan T phạm tội “Cướp tài sản”;

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Cao N mức án tù 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan T mức án tù 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

Về dân sự: bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có tài sản riêng và không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 kiếm dài 71cm, phần lưỡi chỗ rộng nhất 05cm, phần chui hẹp quấn dây vải, chui kiếm đẹp (kiếm cũ, đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao tự chế (dạng kiếm) dài 53cm, phần cán dài 19cm tròn, bên trong bằng gỗ, bên ngoài bằng kim loại, phía gần cuối cán có vòng tròn bằng nhựa, phần lưỡi rộng nhất 03cm (dao cũ, đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Cao N 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số Imei 357262092613848, số Meid 35726209261384 ( điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Phan T 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, số Imei 353248116622141, số Meid 353249116622149 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Phan T 4.800.000đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về án phí: buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi “Cướp tài sản” như cáo trạng đã nêu, nhận thấy hành vi đó của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội như sau: Khoảng 03 giờ 40 phút ngày 14/3/2021, tại đường T, đoạn qua lô cao su, thuộc thôn 02, xã D, TP. P, tỉnh Gia Lai, lợi dụng trời tối, đường vắng người, Cao N và Phan T đã chặn đường, dùng 02 kiếm tự chế (01 kiếm dài 71cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn, cán quấn dây vải và 01 kiếm dài 53cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn, cán tròn) chém vào người ông Huỳnh D (sinh năm 1963, trú số 03A đường N, Tổ 06, phường Đ, TP. P, tỉnh Gia Lai), để chiếm đoạt của ông D 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ-đen, biển số 81B1-154.81, trị giá 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 19/3/2021, T ra đầu thú; ngày 19/3/2021, N bị bắt.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo N đóng vai trò khởi xướng và cùng bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, do bị cáo T bị truy tố, xét xử theo 02 tình tiết định khung tăng nặng nên mức hình phạt cáo hơn so với bị cáo N. Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, bị cáo Cao N đã bị kết án về hành vi “Cướp tài sản”, đã được xóa án tích, bị cáo Phan T đã từng bị kết án về các tội “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội có cùng tính chất.

Hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản do các bị cáo Cao N và Phan T thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: “*Cướp tài sản*” được quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo N và T sử dụng kiếm tự chế, lưỡi bằng kim loại sắc, nhọn để chém người bị hại. Do vậy, hành vi của các bị cáo N và T đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm*”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo

T, đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên hành vi của bị cáo T còn phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Cao N về tội “*Cướp tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phan T về tội “*Cướp tài sản*” được quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Do vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã ra đầu thú, bị cáo N trong quá trình bị tạm giam đã phát hiện và cứu giúp một phạm nhân khác có ý định tự tử. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[6] Về dân sự: Bị hại Huỳnh D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 kiếm dài 71cm, phần lưỡi chỗ rộng nhất 05cm, phần chui hẹp quần dây vải, chui kiếm dẹp và 01 dao tự chế (dạng kiếm) dài 53cm, phần cán dài 19cm tròn, bên trong bằng gỗ, bên ngoài bằng kim loại, phía gần cuối cán có vòng tròn bằng nhựa, phần lưỡi rộng nhất 03cm là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số Imei 357262092613848, số Meid 35726209261384 là tài sản của bị cáo Cao N không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, số Imei 353248116622141, số Meid 353249116622149 là tài sản của Phan T, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 4.800.000đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tài sản của bị cáo Phan T nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Về tội danh và hình phạt**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Cao N phạm tội: “*Cướp tài sản*”;



Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phan T phạm tội: “Cướp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Cao N 08 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2021.

Xử phạt bị cáo Phan T 10 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2021.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 kiếm dài 71cm, phần lưỡi chỗ rộng nhất 05cm, phần chui hẹp quấn dây vải, chui kiếm đẹp (kiếm cũ, đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao tự chế (dạng kiếm) dài 53cm, phần cán dài 19cm tròn, bên trong bằng gỗ, bên ngoài bằng kim loại, phía gần cuối cán có vòng tròn bằng nhựa, phần lưỡi rộng nhất 03cm (dao cũ, đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Cao N 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số Imei 357262092613848, số Meid 35726209261384 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Phan T 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, số Imei 353248116622141, số Meid 353249116622149 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Phan T 4.800.000đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/8/2021 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).*

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Cao N và Phan T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đoàn Thị Thanh Hà**